

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/LĐ-ST

Ngày: 27-9-2017

V/v tranh chấp bảo hiểm xã hội
và bảo hiểm thất nghiệp.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quỳ.

2. Ông Nguyễn Hồng Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 04/2017/TLST-LĐ ngày 12-7-2017 về tranh chấp “Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐXXST-LĐ ngày 23-8-2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Huy L - Sinh năm 1988.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất - thương mại - dịch vụ B (Sau đây viết tắt là Công ty B).

Địa chỉ trụ sở: Lô 27, đường N2, Cụm Công nghiệp A, xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Đinh Tiến S (Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất - thương mại - dịch vụ B).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội thành phố N (Sau đây viết tắt là Bảo hiểm xã hội thành phố).

Địa chỉ trụ sở: Số 126 đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội thành phố N: Ông Đỗ Anh D (Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố N).

Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội thành phố N: Ông Bùi Ngọc N (Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố N) (Văn bản ủy quyền số 84/2017/BHXXH-UQ ngày 08-8-2017).

Tại phiên tòa hôm nay: Có mặt anh L. Vắng mặt ông N, ông S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05-7-2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Huy L trình bày: Từ ngày 01-3-2013 anh làm công nhân kho của Công ty B đến ngày 08-02-2017 anh làm đơn xin nghỉ việc và ngày 08-3-2017 Công ty B ký Quyết định nghỉ việc. Khi anh làm việc tại Công ty B hai bên không ký hợp đồng lao động (Sau đây viết tắt là HĐLĐ) nhưng có thỏa thuận về công việc; thời gian làm việc 8 tiếng một ngày, một tuần làm việc 6 ngày từ thứ 2 đến thứ 7 và nghỉ ngày chủ nhật; có thỏa thuận đóng bảo hiểm xã hội (Sau đây viết tắt là BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (Sau đây viết tắt là BHTN), bảo hiểm y tế (Sau đây viết tắt là BHYT) từ tháng 8-2013 đóng nối theo sổ sổ là 7909345249; mức lương từ tháng 3-2013 đến tháng 7-2016 là 3.400.000 VNĐ/tháng cộng với 200.000 VNĐ/tháng tiền phụ cấp tổng là 3.600.000 VNĐ, từ tháng 8-2016 đến khi nghỉ việc ngày 08-3-2017 mức lương vẫn là 3.400.000 VNĐ/tháng cộng 700.000 VNĐ/tháng tiền phụ cấp tổng là 4.100.000 VNĐ. Lương bình quân anh thực lĩnh là 3.400.000 VNĐ/tháng. Từ tháng 8-2013 đến khi nghỉ việc, hàng tháng Công ty B đều khấu trừ tiền đóng BHXH vào tiền lương, sau đó mới chuyển tiền lương vào tài khoản của anh do Công ty B mở tài khoản và cung cấp cho anh phiếu lương hàng tháng. Sau khi nhận Quyết định nghỉ việc Công ty B đã thanh toán đầy đủ lương và phụ cấp, anh không có khiếu nại gì. Theo thỏa thuận thì Công ty B bắt đầu đóng BHXH, BHTN cho anh từ tháng 8-2013 nhưng Công ty B mới đóng đến tháng 10-2013. Từ tháng 11-2013 đến khi anh nghỉ việc Công ty B không đóng bảo hiểm. Nay anh yêu cầu Công ty B phải đóng tiếp BHXH, BHTN từ tháng 11-2013 đến khi anh nghỉ việc, chốt sổ bảo hiểm từ tháng 8-2013 đến khi anh nghỉ việc và trả sổ bảo hiểm cho anh.

Tại đơn đề nghị ngày 02-8-2017 anh L có đơn xin rút một phần yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết BHTN và yêu cầu Công ty B đóng tiếp BHXH cho anh từ tháng 11-2013 đến khi anh nghỉ việc.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Đinh Tiến S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S không đến Tòa án để tự khai; nộp tài

liệu, chứng cứ; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố trình bày: Từ tháng 8-2013 đến tháng 4-2017 anh L làm công nhân kho Công ty B. Công ty B bắt đầu đóng BHXH, BHTN cho anh L theo sổ sổ bảo hiểm xã hội là 7909345249 từ tháng 8-2013 và mới đóng đến tháng 10-2013. Tính tiếp đến thời gian anh L nghỉ việc là ngày 08-3-2017 thì Công ty B chưa đóng BHXH, BHTN cho anh L từ tháng 11-2013 đến tháng 02-2017 là ba năm bốn tháng.

Tại thời điểm tháng 5-2017 Công ty B đang nợ tiền đóng BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động tại đơn vị là 3.395.742.664 VNĐ. Quan điểm của Bảo hiểm xã hội thành phố yêu cầu Công ty B phải thanh toán nợ tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN đối với người lao động trong đó có anh Nguyễn Huy L tại đơn vị là 3.395.742.664 VNĐ (Đã tính cả lãi suất chậm thanh toán).

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông Đinh Tiến S, ông Bùi Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Anh Nguyễn Huy L bổ sung: Lương anh thực lĩnh bình quân là 3.400.000 VNĐ/tháng. Thời điểm anh và Công ty B thỏa thuận đóng BHXH cho anh bắt đầu từ tháng 8-2013 nhưng Công ty B mới chỉ đóng đến tháng 10-2013. Hàng tháng anh đều nhận phiếu lương của Công ty B cung cấp, sau khi đối chiếu tổng các khoản khấu trừ anh xác nhận Công ty B đóng BHXH cho anh ở mức 3.100.000 VNĐ/tháng. Nay anh yêu cầu Công ty B phải đóng tiếp BHXH từ tháng 11-2013 đến khi anh nghỉ việc theo mức 3.100.000 VNĐ/tháng, chốt sổ bảo hiểm từ tháng 8-2013 đến khi anh nghỉ việc và trả sổ bảo hiểm cho anh. Đồng thời anh xin rút một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn đề nghị ngày 02-8-2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N căn cứ điều 21, 262 của BLTTDS 2015; Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao ngày 03-12-2012 nhận xét:

Về thủ tục tố tụng trong vụ án: Quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Tòa án xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ tranh chấp, đầy đủ trách của người tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L buộc Công ty B phải đóng tiếp BHXH cho anh L từ tháng 11-2013 đến tháng 02-2017, chốt sổ BHXH cho anh L từ tháng 8-2013 đến tháng 02-2017 và trả sổ bảo hiểm

cho anh. Đình chỉ xét xử về việc anh Nguyễn Huy L xin rút một phần yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết BHTN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Huy L làm công nhân kho của Công ty B từ tháng 3-2013 đến khi nhận Quyết định nghỉ việc là ngày 08-3-2017. Công ty B đã đóng BHXH, BHTN cho anh L từ tháng 8-2013 đến tháng 10-2013, từ tháng 11-2013 đến ngày anh L nhận Quyết định nghỉ việc thì Công ty B chưa đóng, chốt BHXH, BHTN và trả sổ bảo hiểm cho anh. Như vậy, đây là quan hệ lao động phát sinh tranh chấp giữa người lao động và người sử dụng lao động về “BHXH và BHTN”. Anh L làm đơn khởi kiện Công ty B có trụ sở tại Lô 27, đường N2, Cụm Công nghiệp A, xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Căn cứ Điều 32, 35, 39 BLTTDS 2015 xác định đây là tranh chấp quan hệ lao động về “BHXH và BHTN” thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N.

[1.2] Về những người tham gia tố tụng: Căn cứ vào Điều 68 BLTTDS 2015 xác định Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.3] Về những người vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Bị đơn ông Đình Tiến S là người đại diện theo pháp luật, là chủ sử dụng lao động đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự đến Tòa án tự khai và nộp tài liệu, chứng cứ; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo về phiên hòa giải; thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; tổng đạt biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông S không có ý kiến phúc đáp và cũng không đến Tòa án để làm việc nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp được chứng cứ theo quy định tại Điều 6 của BLTTDS 2015.

[1.4] Về những người vắng mặt tại phiên toà: Tại phiên tòa hôm nay ông Đình Tiến S và ông Bùi Ngọc N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của BLTTDS 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S và ông N.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa anh Nguyễn Huy L và Công ty B không ký kết HĐLĐ nhưng anh L có thỏa thuận với Công ty B về công việc, tiền lương, phụ cấp, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, hình thức trả lương và có đóng BHXH vào thời điểm từ tháng 8-2013. Hàng tháng Công ty B đều trả lương và phụ cấp cho anh L qua thẻ ATM do Công ty B mở tài khoản tại Ngân hàng

AgriBank C và Ngân hàng MBBank C. Từ tháng 8-2013 Công ty B đóng nổi bảo hiểm cho anh theo sổ sổ bảo hiểm là 7909345249. Trước khi nghỉ việc, anh L có đơn xin nghỉ việc và được Công ty B chấp nhận ra Quyết định nghỉ việc. Mặc dù quan hệ lao động giữa anh L và Công ty B không lập thành văn bản là vi phạm khoản 1 Điều 16 của BLLĐ 2012. Tuy nhiên, lỗi này chủ yếu là của người sử dụng lao động nhưng việc thỏa thuận của anh L với Công ty B đã nêu đủ các nội dung của một HĐLĐ. Như vậy, giữa anh L và Công ty B đã xác lập một quan hệ lao động có thỏa thuận về công việc, tiền lương. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ lao động giữa anh L và Công ty B thực chất là HĐLĐ không xác định thời hạn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Bảo hiểm xã hội thành phố cung cấp thì Công ty B bắt đầu đóng BHXH, BHTN cho anh L từ tháng 8-2013 và đã đóng đến tháng 10-2013. Tính tiếp từ tháng 11-2013 đến khi anh L nhận Quyết định nghỉ việc số 08/QĐ-BV/HR/2017 ngày 08-3-2017 thì Công ty B còn phải đóng BHXH, BHTN cho anh L với thời gian là ba năm bốn tháng. Do tháng cuối cùng anh L làm việc không đủ 14 ngày trở lên trong tháng nên chỉ tính thời gian đóng BHXH cho anh L đến hết tháng 02-2017. Căn cứ vào các phiếu lương do anh L cung cấp thể hiện hàng tháng Công ty B đều đã khấu trừ tiền BHXH trước khi chuyển trả lương và cung cấp phiếu lương cho anh L. Anh L cũng xác nhận sau khi lĩnh lương, hàng tháng có đối chiếu các khoản khấu trừ trên phiếu lương và biết việc Công ty B đóng BHXH cho anh L ở mức 3.100.000 VNĐ/tháng và anh không khiếu nại thắc mắc gì. Tại phiên tòa hôm nay anh L cũng tự nguyện đồng ý lấy mức 3.100.000 VNĐ/tháng mà Công ty B đã đóng BHXH cho anh để buộc Công ty B phải đóng tiếp BHXH cho anh L từ tháng 11-2013 đến tháng 02-2017 theo tỷ lệ quy định đóng BHXH từng thời điểm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Cụ thể là: Từ thời điểm 01-01-2012 đến 31-12-2013 người sử dụng lao động phải đóng là 17% + người lao động phải đóng là 7%, thành tiền $24\% \times 3.100.000 \text{ VNĐ} \times 2 \text{ tháng} = 1.488.000 \text{ VNĐ}$; từ thời điểm 01-01-2014 đến nay người sử dụng phải đóng 18% + người lao động phải đóng 8%, thành tiền là $26\% \times 3.100.000 \text{ VNĐ} \times 38 \text{ tháng} = 30.628.000 \text{ VNĐ}$. Tổng cộng Công ty B phải nộp cho Bảo hiểm xã hội thành phố là 32.116.000 VNĐ.

[3] Về việc anh L yêu cầu Công ty B trả sổ bảo hiểm có sổ bảo hiểm là 7909345249. Vấn đề này Hội đồng xét xử xét thấy: Sổ bảo hiểm có số sổ 7909345249 là của anh Nguyễn Huy L. Khi làm việc tại Công ty B thì từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2013 phía Công ty B đã thực hiện việc đóng BHXH, BHTN cho anh L. Như vậy, phía anh L đương nhiên phải nộp sổ bảo hiểm cho Công ty B thì Công ty B mới có căn cứ để nộp tiền BHXH, BHTN cho anh L theo sổ sổ 7909345249. Do vậy, Công ty B phải có nghĩa vụ trả sổ bảo hiểm cho anh L.

[4] Về việc anh L có đơn xin rút một phần yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết BHTN. Vấn đề này Hội đồng xét xử xét thấy: Việc anh L rút một phần

yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết BHTN là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ việc giải quyết BHTN đối với anh L.

[5] Về việc yêu cầu của Bảo hiểm xã hội thành phố yêu cầu Công ty B thanh toán 3.395.742V.664 VNĐ trong vụ án này. Hội đồng xét xử xét thấy: Bảo hiểm xã hội thành phố không làm đơn yêu cầu độc lập trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi nào Bảo hiểm xã hội thành phố làm đơn khởi kiện và nộp tài liệu, chứng cứ liên quan thì Tòa án thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về lãi suất chậm nộp đối với khoản tiền 32.116.000 VNĐ tiền BHXH của anh Nguyễn Huy L. Hội đồng xét xử xét thấy: Vì chưa xác định được thời gian Công ty B chậm nộp nên Hội đồng xét xử chưa có cơ sở xác định chính xác số tiền lãi chậm nộp tiền BHXH. Công ty B phải có trách nhiệm nộp theo thông báo của Bảo hiểm xã hội thành phố.

[7] Về án phí lao động sơ thẩm: Căn cứ điều 147 của BLTTDS 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 3% số tiền mà Công ty B phải nộp cho Bảo hiểm xã hội thành phố.

Cụ thể: 32.116.000 VNĐ x 3% = 963.480 VNĐ (Chín trăm sáu mươi ba ngàn bốn mươi tám đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 15, 22, 23, 25, 36, 47, 90, 101 của Bộ luật Lao động; Điều 2, 5, 85, 86, 89 của Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Huy L đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất - thương mại - dịch vụ B.

II. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất - thương mại - dịch vụ B phải nộp số tiền bảo hiểm xã hội của anh Nguyễn Huy L cho Bảo hiểm xã hội thành phố N từ thời điểm tháng 11-2013 đến tháng 02-2017 là 32.116.000 VNĐ (Ba mươi hai triệu một trăm mười sáu ngàn đồng).

III. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất - thương mại - dịch vụ B phải trả lại sổ bảo hiểm số 7909345249 cho anh Nguyễn Huy L.

Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất - thương mại - dịch vụ B chậm nộp số tiền 32.116.000 VNĐ Bảo hiểm xã hội cho anh Nguyễn Huy L thì phải chịu tiền lãi theo thông báo của Bảo hiểm xã hội thành phố N tương ứng với thời gian chậm nộp.

Kể từ thời điểm Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất - thương mại - dịch vụ B nộp cho Bảo hiểm xã hội thành phố N số tiền bảo hiểm xã hội của anh Nguyễn

Huy L thì Bảo hiểm xã hội thành phố N có nghĩa vụ khôi phục quyền lợi bảo hiểm và chốt sổ bảo hiểm cho anh Nguyễn Huy L từ tháng 8-2013 đến tháng 02-2017 theo sổ sổ bảo hiểm là 7909345249.

IV. Chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với việc không yêu cầu Tòa án giải quyết đóng bảo hiểm thất nghiệp của anh Nguyễn Huy L.

V. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất - thương mại - dịch vụ B phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 963.480 VNĐ (Chín trăm sáu mươi ba ngàn bốn mươi tám đồng).

Anh Nguyễn Huy L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đinh Tiến S và ông Bùi Ngọc N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTP. N;
- Chi cục THADSTP. N;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nguyên